

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Ngòi (khu 1 và 2),
xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 246/TTr-STNMT ngày 23/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Ngòi (khu 1 và 2), xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên” (sau đây gọi là dự án) của Ủy ban nhân dân xã Việt Ngọc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định 297/QĐ-TNMT ngày 15/4/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Tân Yên; UBND xã Việt Ngọc và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (*lưu h/s*);
- UBND xã Việt Ngọc (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN_{Việt Anh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “XÂY DỰNG CSHT KHU DÂN CƯ THÔN NGÙI (KHU 1 VÀ 2),
XÃ VIỆT NGỌC, HUYỆN TÂN YÊN”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Ngùi (khu 1 và 2), xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên.
- Địa điểm thực hiện: Xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân xã Việt Ngọc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, với tổng diện tích sử dụng đất là 14.030,78 m² (khoảng 1,4 ha).

* Quy mô của dự án:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực dự án diện tích 14.030,78 m² (khoảng 1,4 ha), bao gồm 02 khu: Khu cạnh sân bóng (khu 1) diện tích 5.456,42 m², Khu Đồng Đá (khu 2) diện tích 8.574,36 m². Phương án đầu tư với nội dung xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

+ Hạng mục san nền: San nền hạ tầng khu đất (phần phân lô) khoảng 0,593ha. Trong đó, khu cạnh sân bóng (khu 1) diện tích 0,251 ha, Khu Đồng Đá (khu 2) diện tích 0,342 ha.

+ Đường giao thông: Xây dựng mới các tuyến; chiều rộng mặt đường Bm = 8m; hè đường 2 bên rộng Bh = 2x6,0m; Kết cấu mặt đường BTXM trên lớp móng cấp phối đá dăm; nền đường đầm chặt K=0,95.

+ Thoát nước mưa: Nước mưa được thu trực tiếp bằng tấm thu nước chảy vào hố ga thoát nước, hệ thống cống tròn BTCT, hố ga thu, hố ga thăm. Tại những đoạn qua đường, sử dụng cống BTCT, sau đó nước mưa được thoát vào hệ thống kênh mương bằng đất hiện trạng.

+ Thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại được xây dựng bên trong các công trình hoặc ô đất xây dựng, rồi theo rãnh thoát nước phía sau nhà B400 xây gạch và đường ống thoát nước thải HDPE D300 dẫn về các bể lắng. Nước thải sau bể lắng được xử lý khử trùng tại hố ga đạt quy chuẩn trước khi thoát ra mương tiêu thoát nước hiện trạng của khu vực thôn Ngùi.

+ Xây dựng bể lắng, xử lý nước thải, trên đây tấm đan BTCT.

+ Hệ thống cấp điện: Nguồn điện cấp cho dự án lấy từ TBA gần đó, xây dựng hệ thống đường dây 0,4kV được treo trên các cột bê tông ly tâm trước cửa lô đất. Hệ thống chiếu sáng được treo chung với hệ thống cột điện trồng mới.

+ Hệ thống cấp nước: Lắp đặt ống chờ qua đường để phục vụ cấp nước cho giai đoạn sau.

Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước thải và nước mưa đều được bố trí trên phần đất hạ tầng kỹ thuật của dự án, đảm bảo theo các quy chuẩn kỹ thuật.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc,..

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành của dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích 12.050,4 m² (trong đó, khu 1 có diện tích là 4.438,9m², khu 2 có diện tích là 7.611,5m²) là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất để thực hiện dự án:

+ Dự án chiếm dụng diện tích đất là 14.030,78 m², trong đó đất trồng lúa: 12.050,4 m²; đất giao thông: 1.980,38 m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thảm thực vật, phá dỡ các công trình hiện trạng (đường bê tông),...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu,...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển chất thải từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng đi đổ thải; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất san lấp và vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

++ Bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu (cát, sỏi, xi măng, sắt thép,...); từ hoạt động thi công thổi bụi lớp móng cấp phối đá dăm.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị, từ quá trình rửa xe,...

và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng, từ hoạt động phát quang thảm thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ gia đình:

+ Phát sinh nước thải, rác thải từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ quá trình xây dựng thứ cấp; từ phương tiện giao thông ra vào khu dân cư; từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư; từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Chất thải nguy hại gồm: Các loại đồ điện tử cũ hỏng, pin, acquy thải, bao bì hóa chất tẩy rửa, bình xịt côn trùng, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Sự cố cháy nổ; sự cố khi xảy ra thiên tai, bão lụt; sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước của khu dân cư,...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư.

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng $4m^3$ /ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms...

+ Nước thải thi công phát sinh khoảng $2,4m^3$ /ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển chất thải từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng đi đổ thải; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất san lấp và vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng; từ hoạt động của các

máy móc, thiết bị thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi....

+ Bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu (cát, sỏi, xi măng, sắt thép,...); từ hoạt động thi công thổi bụi lớp móng cấp phối đá dăm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 20kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng (phá dỡ đường bê tông tại khu 1): 26 m³.

- Đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển phát sinh khoảng 0,014m³/ngày.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 7,5m³. Thành phần chủ yếu là gốc, rễ hoa màu, cây bụi,...

- Đất nạo vét hữu cơ phát sinh khoảng 2.410,08 m³;

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng gồm vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,... khoảng 0,032 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại bao gồm: Thùng, can đựng dầu diesel và mỡ bôi trơn, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại (dầu, mỡ), bóng đèn huỳnh quang thải, hỏng phát sinh khoảng 24,4kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị san gạt (máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...)

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến giao thông của khu vực,...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố do bom mìn tồn lưu từ chiến tranh; sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống trong khu dân cư:

Khoảng 24,44 m³/ngày đêm (trong đó, khu 1 khoảng 9,88m³/ngày.đêm, khu 2 khoảng 14,56m³/ngày đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa. Thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, tổng chất rắn lơ lửng,...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xây dựng thứ cấp (như nhà ở,...).

- Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂,...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO_x, THC...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân sống trong khu vực khu dân cư: phát sinh khu 1 khoảng 68,4 kg/ngày, khu 2 phát sinh khoảng 100kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng thứ cấp, bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Các dự án thứ cấp (nhà ở gia đình...) được triển khai sau khi dự án hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng này bao gồm vỏ xi măng, bìa caton, gạch vỡ, bê tông rơi vãi, sắt thép...

+ Quá trình chặt cây, cành cây phòng mùa mưa bão, trồng cây thay thế phát sinh một lượng chất thải khoảng 2 m³/năm (sau 05 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão);

+ Bùn, cặn thải phát sinh từ quá trình nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải, hố ga phát sinh khoảng 1,26 m³/6 tháng.

+ Quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật làm phát sinh vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, bê tông hỏng, ... Khối lượng phát sinh không xác định, phụ thuộc vào từng đợt duy tu.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án như: Các loại đồ điện tử cũ hỏng, pin, acquy thải, bao bì hóa chất tẩy rửa, bình xịt côn trùng, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...phát sinh khoảng 94 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án,...

Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai, bão lụt; sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước của khu dân cư,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

** Nước thải sinh hoạt*

- Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động, loại có bể chứa chất thải thể tích 3000lít/bể đặt tại khu lán trại của công nhân, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải đem đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy).

** Nước mưa chảy tràn*

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

+ Tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước, hố lắng thường xuyên.

+ Nghiêm cấm việc tập trung các loại bùn, đất, cát, đá dăm... gần các tuyến thoát nước nhằm tránh việc vương vãi, hoặc khi có mưa sẽ bị nước mưa chảy tràn cuốn vào nguồn nước mặt.

** Nước thải thi công*

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công.

- Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Bố trí khoảng từ 2 đến 3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng.

- Đối với nước thải phát sinh từ quá trình rửa bánh xe: Xây dựng tại công trường thi công 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 05 m³ /hố để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi và khí thải.

- Tưới nước ở những khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu khu vực thi công, đặc biệt là đoạn đi qua khu tập trung đông dân cư để giảm bụi.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi đều

được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

- Phun nước dập bụi trong khu vực thi công tần suất 2-4 lần/ngày.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Xung quanh khu vực thi công tiến hành xây tường tôn cao tối thiểu 2m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra.

- Bố trí vòi nước phun rửa bánh xe trong khu vực dự án trước khi các phương tiện tiếp tục lưu thông trên đường.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Đá dăm rải đường được làm ẩm đúng tiêu chuẩn để hạn chế lượng bụi phát sinh trong quá trình rải đá.

- Các phương tiện vận chuyển đá dăm được che chắn, bao bọc kín để hạn chế việc khuếch tán bụi ra môi trường dọc các tuyến đường vận chuyển.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít/thùng tại khu vực thi công để công nhân thải bỏ chất thải khi phát sinh. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định hàng ngày.

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Đối với chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Phần không tận dụng được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phá dỡ đường bê tông tại khu 1: Thu gom, vận chuyển đến bãi đổ bãi thải chất thải rắn của xã được quy hoạch tại thôn Việt Hùng, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên (Bãi có diện tích khoảng 2ha, khoảng cách vận chuyển khoảng 2,5km). (Theo phê duyệt quy hoạch chung số 2737/UBND-QLĐT ngày 19/4/2024 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên năm 2035).

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại và tận dụng triệt để các loại phế liệu phục vụ cho chính hoạt động xây dựng dự án:

+ Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton,...: Bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Đối với các loại đất, đá thừa, gạch vỡ thừa,...: Thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

- Bố trí phương tiện, nhân lực, dụng cụ (xẻng) trong việc thu gom đất, cát rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu, đất cát rơi vãi được thu gom sẽ được tận dụng đổ nền san lấp những khu vực trống trong khu vực dự án.

- Đối với đất bóc hữu cơ: Chủ dự án đề xuất phương án đổ và được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt phương án cụ thể như sau:

+ Điểm 1: Trạm y tế xã Việt Ngọc để tận dụng vào khu vực trồng cây. Diện tích 3.800m^2 , độ dày $0,4\text{m}$, với tổng khối lượng khoảng 1.520 m^3 , khoảng cách từ dự án đến điểm tiếp nhận khoảng 1km .

+ Điểm 2: Thửa đất trồng cây của gia đình nhà ông Phạm Văn Sang tại thôn Cầu Trại, xã Việt Ngọc. Số thửa 585 , Diện tích 400m^2 , độ dày $1,5\text{m}$, với tổng khối lượng khoảng 600 m^3 , khoảng cách từ dự án đến điểm tiếp nhận khoảng 1km .

+ Điểm 3: Thửa đất trồng cây của gia đình nhà ông Nguyễn Đình Hùng tại thôn Cầu Trại, xã Việt Ngọc. Số thửa 587 , Diện tích $265,5\text{ m}^2$, độ dày $1,5\text{m}$, với tổng khối lượng khoảng $398,3\text{ m}^3$, khoảng cách từ dự án đến điểm tiếp nhận khoảng 1km .

Khối lượng đất bóc của dự án là $2.410,08\text{ m}^3$. Tổng khối lượng sử dụng tại 3 điểm có khối lượng là $1.520+600+398,3=2.518,3\text{ m}^3$ nên hoàn toàn đáp ứng khả năng tiếp nhận khối lượng đất bóc hữu cơ của dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng phuy có dung tích 200 lít /thùng để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời có diện tích 6m^2 trong khu vực công trường (kho có nền xi măng, mái lợp phibroximang, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia thi công xây dựng đúng quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ; kiểm định máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Lập bảng đề ra các nội quy và đội kiểm tra về an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy chế phòng, chống cháy nổ trên công trường.

- Lập hàng rào ngăn hoặc biển báo hướng dẫn những nơi nguy hiểm tại công trường, tại các nút giao thông, kho chứa các chất dễ cháy nổ...

- Lắp biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ xảy ra cháy nổ.

- Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bọt, bình CO₂, cát, hồ nước,...).

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Yêu cầu các chủ phương tiện chở vật liệu đúng tải trọng cho phép và tuân thủ luật giao thông, chạy đúng tốc độ cho phép nhằm hạn chế khả năng xảy ra tai nạn giao thông;

- Các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,...;

- Khi xe ra vào khu vực cần phát tín hiệu cảnh báo để người đi lại trên các tuyến đường được nghe thấy để hạn chế tốc độ và đảm bảo sự an toàn khi đang lưu thông trên đường;

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý nhằm tránh các giờ cao điểm có khả năng ảnh hưởng đến giao thông chung (giờ đi làm việc, giờ tan làm, giờ đi học, tan trường...). Bố trí hợp lý thời gian, khoảng cách giữa các chuyến xe ra vào cách nhau hợp lý.

- Trước khi tiến hành san lấp tạo mặt bằng, chủ dự án tiến hành công tác khảo sát, rà phá bom mìn theo quy định của Nhà nước.

- Công tác khảo sát, rà phá bom mìn nằm trong kế hoạch giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng, được thực hiện trước giai đoạn san lấp tạo mặt bằng.

- Công tác khảo sát và rà phá bom mìn được thực hiện bởi các đơn vị có đủ

năng lực và chuyên môn được Nhà nước quy định.

- Bố trí các tuyến mương đất thoát nước tạm để dẫn dòng khi thi công đảm bảo thoát nước khu vực tránh hiện tượng ngập úng vào mùa mưa.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra mương quy hoạch tiếp nhận.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt**

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng rẽ với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Khu cạnh sân bóng (khu1): Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại được xây dựng bên trong các công trình hoặc ô đất xây dựng, đổ theo rãnh thoát nước phía sau nhà xây gạch kích thước B400 với chiều dài khoảng 119m dẫn vào bể lắng trên vỉa hè, nước thải sau xử lý lắng qua bể xử lý (bể lắng 3 ngăn, kích thước 7,84mx3,84mx2,28m) và hố ga khử trùng được thoát theo đường ống HDPE D300 dài 15m thoát vào mương tiêu thoát nước khu vực.

Khu Đồng Đá (khu 2): Nước thải của Khu dân cư Đồng Đá (Khu 2): Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại được xây dựng bên trong các công trình hoặc ô đất xây dựng, đổ theo rãnh thoát nước phía sau nhà xây gạch kích thước B400 với chiều dài 42m và cống HDPE D300 dài 57,9m dẫn vào bể xử lý (bể lắng 3 ngăn, kích thước 7,84mx3,84mx2,28m) trên vỉa hè, nước thải sau xử lý bể lắng và hố ga khử trùng được thoát theo đường ống HDPE D300 dài 8m thoát vào mương tiêu thoát nước khu vực.

Theo phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên đến năm 2035 tại Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND huyện Tân Yên. Trên địa bàn xã Việt Ngọc sẽ xây dựng 02 trạm xử lý nước thải để thu gom xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt trong địa bàn xã. Theo quy hoạch thoát nước, nước thải phát sinh tại khu vực dự án được đầu nối vào hệ thống cống B800 thu nước thải chung để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của xã theo đặt tại địa phận thôn Ngùi (có diện tích khoảng 0,35ha) để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra môi trường.

*** Nước mưa chảy tràn**

- Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

- Nước mưa trong các lô đất và trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác sau đó chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Định kỳ 6 tháng/lần thực hiện nạo vét, kiểm tra hệ thống cống, rãnh thoát nước, hố ga, tránh ứ đọng, tắc nghẽn, gây ngập úng và bốc mùi hôi thối cho khu vực.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Xe chở nguyên vật liệu phải thực hiện che chắn khi đi vào khu dân cư, tránh phát tán bụi và rơi vãi nguyên vật liệu trên đường.

- Khuyến khích các hộ dân sử dụng lắp đặt các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường, tắt khi không sử dụng để tiết kiệm năng lượng và không gây quá tải cho hệ thống cấp điện.

- Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại khu dân cư sẽ được thu gom, vận chuyển mang đi xử lý hàng ngày, không để tồn đọng gây phát sinh mùi.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Chủ đầu tư sẽ đầu tư bố trí như sau:

+ Đối với khu 1 có 19 hộ dân: Bố trí 06 thùng chứa rác, dung tích 100 lit/thùng. bố trí trên vỉa hè các trục đường, để các hộ dân thuận tiện bỏ rác.

+ Đối với khu 2 có 28 hộ dân: Bố trí 09 thùng chứa rác, dung tích 100 lit/thùng. bố trí trên vỉa hè các trục đường, để các hộ dân thuận tiện bỏ rác

- Hàng ngày, tổ vệ sinh môi trường của xã sẽ thu gom, vận chuyển rác tới bãi xử lý rác thải tập trung của xã.

- Bùn từ bể tự hoại của các hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại của gia đình mình (tần suất khuyến khích 1 năm/lần).

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng thứ cấp; từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng công trình thứ cấp như nhà ở của người dân...: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động xây dựng các công trình thứ cấp này. Trong quá trình xây dựng, yêu cầu người dân và đơn vị xây dựng các công trình công cộng thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải xây dựng phát sinh theo quy định, không đổ bừa bãi chất thải ra môi trường, không để vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường.

- Chất thải từ quá bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, sửa chữa công trình do đơn vị được bàn giao quản lý dự án thuê các đơn vị có đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy

định (định kỳ 6 tháng/lần đối với bùn nạo vét; cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá vỡ phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng hạ tầng: vận chuyển khi phát sinh).

+ Đối với đường bê tông hỏng phải bóc đi để sửa: Đơn vị được giao quản lý dự án hợp đồng với các đơn vị có chức năng để tiến hành duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật vừa đảm bảo quá trình duy tu bảo dưỡng vừa đảm bảo công tác bảo vệ môi trường (khi xảy ra hỏng hóc, xuống cấp). Thuê các đơn vị có đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Đơn vị được giao quản lý dự án phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng quy định hiện hành. Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không được bóp còi
- Lắp đặt gờ giảm tốc .
- Đậu xe đúng nơi quy định,

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ cos nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Thi công đường ống cấp, thoát nước theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo áp lực nước.

- Yêu cầu các đơn vị, hộ dân trong khu dân cư không được tự ý thi công, đào đất phía trên đường ống cấp, thoát nước.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống cấp, thoát nước nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc xây mới.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực thi công xây dựng (đầu và cuối hướng gió chủ đạo).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

** Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 246/TTr-TNMT ngày 23/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.